



Xây dựng chuỗi liên kết Sản xuất – Tiêu thụ nông sản thực phẩm theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

TRẦN TIẾN KHAI^{a,*}, LƯƠNG VINH QUỐC DUY^a, PHÙNG THANH BÌNH^a,
NGUYỄN VĂN VIÊN^a, LÊ VĂN GIA NHỎ^b, TRƯƠNG THANH VŨ^c

^a Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

^b Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam

^c Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 03/05/2023 Ngày nhận lại: 10/07/2023 Duyệt đăng: 17/07/2023 Mã phân loại JEL: L14; L16. Từ khóa: Liên kết vùng; An toàn thực phẩm. Keywords: Regional linkage; Food safety.	Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam có quy mô thương mại nông sản thực phẩm lớn đáp ứng nhu cầu của hơn 20 triệu người, nhưng liên kết ở cấp độ vùng cho cung ứng và thương mại thực phẩm an toàn vẫn còn nhiều khó khăn và chưa có cơ chế pháp lý cụ thể. Lý do chủ yếu là việc quản lý theo địa giới hành chính vẫn còn là yếu tố chia cắt chuỗi cung ứng thực phẩm hướng đến sản xuất và tiêu thụ an toàn. Do vậy, việc tìm ra một cơ chế liên kết vùng nhằm giải quyết mối liên kết sản xuất và tiêu dùng đạt chuẩn an toàn thực phẩm giữa TP. Hồ Chí Minh, các đô thị lớn và các vùng sản xuất nông nghiệp thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là hết sức cần thiết. Nghiên cứu này áp dụng tiếp cận định tính, với các phương pháp khảo sát, phỏng vấn, hội thảo, phân tích tình huống, phân tích chính sách với đối tượng là các chuỗi cung ứng thực phẩm hiện đại và truyền thống trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành thuộc vùng. Thông tin phân tích cho phép đề xuất một số giải pháp thiết thực cho xây dựng chính sách phát triển liên kết vùng bảo đảm an toàn thực phẩm.

* Tác giả liên hệ.

Email: khaiitt@ueh.edu.vn (Trần Tiến Khai), quocduy@ueh.edu.vn (Lương Vinh Quốc Duy), ptbinh@ueh.edu.vn (Phùng Thanh Bình), viennv@ueh.edu.vn (Nguyễn Văn Viên), nho.lvg@iasvn.org (Lê Văn Gia Nhỏ), truongthanhvu9@gmail.com (Trương Thanh Vũ).

Trích dẫn bài viết: Trần Tiến Khai, Lương Vinh Quốc Duy, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Văn Viên, Lê Văn Gia Nhỏ, & Trương Thanh Vũ. (2023). Xây dựng chuỗi liên kết Sản xuất – Tiêu thụ nông sản thực phẩm theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 34(7), 101–117.

Abstract

The Southern Key Economic Region has a large scale of agricultural and food trade to meet the needs of more than 20 million people. However, inner-regional connection for safe food supply and trade is still in difficulty when food chain is disjointedly managed by administrative boundaries. Therefore, it is necessary to find a regional linkage mechanism to solve food safety of supply chain in Ho Chi Minh City, other large cities, and agricultural production areas in the Southern Key Economic Region. This study uses qualitative approach, with various methods as surveys, interviews, seminars, case analysis, policy analysis to apply for the study of modern and traditional food supply chains in Ho Chi Minh City and other provinces in the region. The analytical information allows proposing a number of practical solutions for the development of regional linkage development policies to ensure food safety.

1. Bối cảnh nghiên cứu

Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm TP.HCM và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang. Đây là vùng kinh tế - xã hội có quy mô dân số hơn 20 triệu người, có nhiều đô thị lớn, tiêu thụ một lượng lớn nông sản thực phẩm. Đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn cung ứng nông sản thực phẩm cho các đô thị lớn trong cả vùng. Trong nhiều năm qua, TP.HCM đã xây dựng hệ thống bán lẻ, hệ thống các doanh nghiệp cung ứng thực phẩm đầu mối, các chợ đầu mối, xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm nhằm phát triển hệ thống thương mại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và cải thiện quản lý an toàn thực phẩm (ATTP). Vai trò của các hệ thống phân phối hiện đại và các chợ đầu mối là không thể thiếu được trong kết nối giữa nơi sản xuất – cung ứng và nơi tiêu thụ. Ở TP.HCM và các tỉnh, các hệ thống phân phối hiện đại đang phát triển mạnh mẽ và phần nào bảo đảm được các quy định về ATTP. Tuy nhiên, vẫn còn hơn 70% nông sản thực phẩm được phân phối theo kênh thương mại truyền thống là các chợ dân sinh không được kiểm soát chặt chẽ về ATTP.

Hiện nay, sự liên kết ở cấp độ vùng cho cung ứng và thương mại thực phẩm an toàn vẫn còn nhiều khó khăn, chưa có cơ chế pháp lý cụ thể, khi mà quản lý theo địa giới hành chính vẫn còn là yếu tố chia cắt chuỗi cung ứng thực phẩm hướng đến sản xuất và tiêu thụ an toàn. Do vậy, việc tìm hiểu cơ chế vận hành của các chuỗi cung ứng thực phẩm và từ đó đề xuất cơ chế liên kết vùng nhằm giải quyết mối liên kết sản xuất và tiêu dùng đạt chuẩn ATTP giữa TP.HCM, các đô thị lớn và các vùng sản xuất nông nghiệp thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là hết sức cần thiết.

Nghiên cứu này tập trung giải quyết các mục tiêu nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Mục tiêu 1: Đánh giá hiện trạng các chuỗi cung ứng thực phẩm tại TP.HCM và các tỉnh thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Mục tiêu 2: Đánh giá các tiềm năng kết nối sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm giữa các tỉnh thành trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và TP.HCM.

- Mục tiêu 3: Đề xuất các hàm ý chính sách thúc đẩy kết nối sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm giữa các tỉnh thành trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và TP.HCM theo cơ chế quản lý thể chế liên kết vùng.

Phạm vi nghiên cứu bao gồm ba ngành hàng thịt heo/thịt gia cầm, trứng, rau là những thực phẩm tươi sống quan trọng được tiêu dùng hàng ngày. Không gian nghiên cứu là các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Về phía cung, phạm vi nghiên cứu đối với thịt heo và thịt gia cầm gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.HCM; và đối với rau củ quả là các tỉnh Tiền Giang, Long An, Đồng Nai và Lâm Đồng, TP.HCM. Nghiên cứu về cầu tiêu dùng tập trung ở TP.HCM. Thông tin và số liệu thực tế được thu thập từ phỏng vấn, khảo sát trong giai đoạn 2017–2020.

2. Tổng quan và khung phân tích

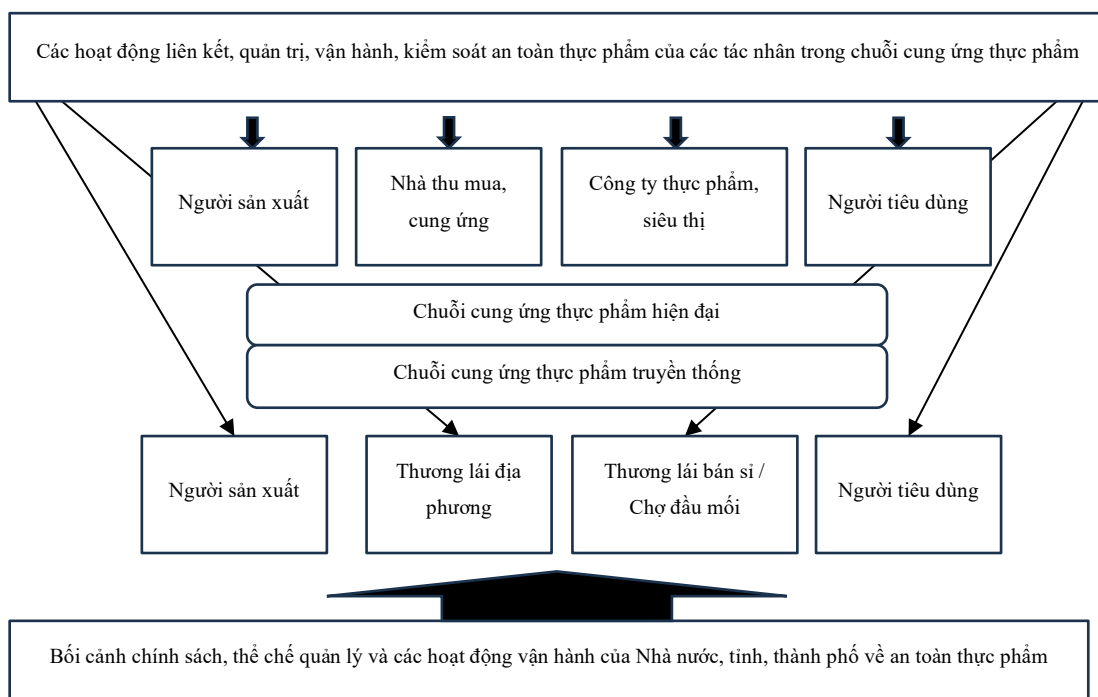
Quản lý ATTP là công tác quản lý nhà nước quan trọng, được các chính phủ chú trọng thực hiện. Trên thế giới, có hai mô hình quản lý chủ yếu, bao gồm mô hình tập trung và mô hình phân tán. Mô hình quản lý tập trung có đặc trưng là tập trung vào một đầu mối cấp quốc gia, như mô hình của Hoa Kỳ với Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (Food and Drug Administration – FDA) (FDA, 2018a, 2018b, 2018c, 2018d; National Sustainable Agriculture Coalition, 2018), Liên minh châu Âu với Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (European Food Safety Agency – EFSA) (EFSA, 2018). Mô hình phân tán có đặc trưng vài cơ quan quản lý Nhà nước cùng tham gia vào công tác quản lý ATTP theo chức năng và phân công. Điển hình là mô hình quản lý của Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, và Việt Nam (Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP.HCM, 2018a, 2018b; Department of Science Service Thailand, 2014; Government of Thailand, 1979; Japan Engineering and Consulting Firms Association, 2006; Jonker và cộng sự, 2004; Wu & Zhu, 2014a, 2014b; World Bank, 2017; Quốc hội, 2010, 2018; Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Ở cấp độ địa phương, Việt Nam đang thực hiện thí điểm mô hình hợp nhất, một đầu mối tại TP.HCM với thể chế Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP.HCM (Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP.HCM, 2018a, 2018b; Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao, 2018).

Về các tiêu chuẩn ATTP, luật pháp Việt Nam quy định quản lý sản xuất theo quy chuẩn sản xuất an toàn sinh học trong khi đó, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP¹ không có tính chất bắt buộc (Quốc hội, 2018). Theo World Bank (2017), quản lý ATTP ở Việt Nam chưa bảo đảm khi mà hệ thống phân phối truyền thống còn đóng vai trò chủ yếu trong ngành thực phẩm.

Từ kết quả tổng quan và áp dụng tiếp cận phân tích chuỗi giá trị, khung phân tích của nghiên cứu được thể hiện như Hình 1 dưới đây:

¹ VietGAP là viết tắt của Vietnamese Good Agricultural Practices, có nghĩa là Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam. Tiêu chuẩn này do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm nông nghiệp. VietGAP là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng; đồng thời bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản xuất.



Hình 1. Khung phân tích chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản thực phẩm theo hướng bảo đảm ATTP

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Các nội dung được đặt ra để giải quyết mục tiêu nghiên cứu là:

- Nội dung 1: Khảo sát, thu thập thông tin để đánh giá hiện trạng sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn.
- Nội dung 2: Tìm hiểu, đánh giá và phân tích các hoạt động liên kết dọc ở hệ thống thương mại hiện đại và hệ thống chợ truyền thống ở TP.HCM.
- Nội dung 3: Thảo luận với các bên liên quan để tìm ra phương thức cải thiện cơ chế kiểm soát ATTP giữa các cơ quan chức năng trong vùng.
- Nội dung 4: Đề xuất các hàm ý chính sách trong ngắn hạn và dài hạn kết nối sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm liên kết vùng.

Tác giả chủ yếu sử dụng tiếp cận định tính để giải quyết mục tiêu nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể là: (1) Khảo sát, phỏng vấn, hội thảo; và (2) Phân tích tình huống, phân tích chính sách. Tác giả đã tiến hành khảo sát ở năm 2018, bao gồm 7 doanh nghiệp đầu mối cung ứng thực phẩm, 3 chợ đầu mối. Tác giả đã tổ chức tọa đàm, phỏng vấn chuyên gia, hội thảo trong hai năm 2019 và 2020 với nhiều cá nhân, địa phương liên quan, và 3 hội thảo chính thức. Một số nguồn thứ cấp từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP.HCM, Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP.HCM được sử dụng để đánh giá mô hình vận hành của các chuỗi cung ứng thực phẩm trong khuôn khổ pháp lý ATTP.

Kết quả nghiên cứu được rút ra từ các khảo sát, phỏng vấn, hội thảo, phân tích tình huống, phân tích chính sách, và phối hợp với các thông tin thứ cấp để phân tích sâu các vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. *Hiện trạng tổ chức sản xuất nông sản thực phẩm đạt chuẩn an toàn*

4.1.1. *Hiện trạng quản lý sản xuất và an toàn thực phẩm*

Hiện nay, TP.HCM đang thực hiện thí điểm mô hình quản lý ATTP hợp nhất với đầu mối là Ban Quản lý ATTP Thành phố. Trong khi đó, các tỉnh, thành khác vẫn tổ chức quản lý ATTP theo mô hình phân tán giữa các cơ quan quản lý cấp tỉnh thuộc 3 ngành nông nghiệp, y tế và công thương, trong đó ngành y tế là đầu mối.

Các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và ATTP ở các tỉnh, thành phố hiện nay chủ yếu áp dụng quản lý sản xuất theo quy chuẩn sản xuất an toàn sinh học đối với sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi vì tính chất bắt buộc về pháp lý và có những chính sách hỗ trợ tùy thuộc vào nguồn lực của địa phương. Trong khi đó, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP không có tính chất bắt buộc và chỉ tùy thuộc vào yêu cầu của kênh thị trường tiêu thụ. Các tỉnh thường hỗ trợ thực hiện các dự án chăn nuôi, trồng trọt theo quy chuẩn an toàn, có cấp chứng nhận cho các hộ và trang trại thực hiện đúng quy chuẩn. Hầu hết các tỉnh khuyến khích nông dân tham gia hợp tác xã (HTX) để quản lý việc sản xuất thực phẩm an toàn và nhận hỗ trợ tập thể, đồng thời chi hỗ trợ kinh phí thực hiện và chứng nhận VietGAP lần đầu cho HTX nông nghiệp. Hiện đã có nhiều tổ chức chứng nhận VietGAP hoạt động ở các tỉnh, đủ sức thực hiện chứng nhận trên địa bàn các tỉnh. Tuy vậy, diện tích và quy mô sản lượng rau đạt tiêu chuẩn VietGAP chỉ ước tính dưới 5% tổng quy mô sản xuất ở các tỉnh, thành sản xuất.

Các tỉnh có thể mạnh về ngành chăn nuôi gia súc gia cầm như Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Tiền Giang đều tổ chức quy hoạch vùng sản xuất an toàn sinh học, áp dụng các quy chuẩn chăn nuôi và quy chuẩn giết mổ an toàn sinh học. Tuy nhiên, không có thông tin thống kê chính thức chỉ ra quy mô nuôi gia súc gia cầm chưa áp dụng quy chuẩn sản xuất an toàn sinh học hoặc tiêu chuẩn VietGAP.

Người sản xuất có thể chọn lựa sản xuất theo quy chuẩn sản xuất an toàn sinh học hoặc tiêu chuẩn VietGAP, hoặc sản xuất tự do. Do đó, phần lớn hộ gia đình và các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ thường không đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, trong khi, các trang trại quy mô lớn, các doanh nghiệp nông nghiệp thường áp dụng các quy chuẩn tiêu chuẩn này theo yêu cầu của các kênh phân phối hiện đại. Nhìn chung, các hệ thống sản xuất nông sản thực phẩm truyền thống, nhất là ở các đơn vị nhỏ lẻ hầu như không thể bảo đảm truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Ở kênh phân phối truyền thống, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm thịt chỉ thực hiện được từ thương lái thu gom cho đến giết mổ và phân phối về các chợ đầu mối. Tình hình truy xuất nguồn gốc cũng còn rất nhiều hạn chế tương tự đối với sản phẩm thịt gia súc gia cầm khác và rau quả. Việc chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, thương hiệu, nhãn hiệu tập thể và cá nhân, cung cấp các giải pháp ứng dụng cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cấp mã vạch, mã QR cho sản phẩm đạt chuẩn theo yêu cầu của nhà sản xuất đang được các địa phương thực hiện nhưng chưa rộng khắp.

Các tỉnh thành trong Vùng chưa xây dựng quy hoạch kế hoạch sản xuất chung và tiêu thụ nông sản phẩm và cũng chưa có hệ thống thông tin chung. Hệ thống thông tin thị trường của khu vực tư nhân còn rời rạc, thiếu kết nối.

Khó khăn trong phối hợp quản lý ATTP giữa địa phương tiêu thụ và địa phương sản xuất cũng là rào cản tiêu thụ nông sản đạt chuẩn ATTP. Trước tiên, các địa phương sản xuất và địa phương tiêu thụ chưa thống nhất với nhau về các thủ tục quản lý ATTP. Các khác biệt này làm cho kênh phân phối bị gián đoạn, hoặc tạo thêm rào cản gia nhập, và chứng tỏ các địa phương chưa có lòng tin lẫn nhau về chất lượng công tác quản lý ATTP.

4.1.2. Áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của hộ gia đình nông dân

Chính quyền các tỉnh đều có xu hướng đánh giá rằng phần lớn nông dân có đủ kiến thức thực hiện VietGAP, có nhận thức tốt về sản xuất thực phẩm an toàn, và sẵn sàng áp dụng, nhưng không áp dụng vì các lý do khác nhau. Khảo sát các hộ sản xuất cũng cho thấy kết quả tương tự.

- *Về phương diện sản xuất*, việc ghi nhận quá trình sản xuất cùng các loại vật tư nông nghiệp vào nhật ký sản xuất và các biểu mẫu theo VietGAP lại phức tạp đối với nông dân, và hầu như họ chưa có thói quen ghi chép. Chi phí huấn luyện, áp dụng, chứng nhận, tái chứng nhận VietGAP cũng là một rào cản tài chính; mặc dù không lớn đối với trang trại nông nghiệp nhưng lại quan trọng đối với nông hộ nhỏ.

- *Về phương diện tiêu thụ*, sản phẩm VietGAP không được phân biệt với sản phẩm thông thường trên thị trường truyền thống, do đó không khuyến khích người sản xuất. Ở kênh phân phối hiện đại, các siêu thị chỉ thu mua một phần sản phẩm VietGAP (khoảng 20%). Phần còn lại nông dân vẫn phải tiêu thụ thông qua các kênh thương mại thông thường và không có phân biệt sản phẩm về chủng loại và giá cả. Vì vậy, người sản xuất gặp khó khăn trong việc tiêu thụ lượng sản phẩm không bán được cho kênh phân phối hiện đại, nhận các rủi ro và thiệt hại tài chính; vì lẽ đó, họ không muốn áp dụng VietGAP. Mặt khác, sự lệ thuộc của nông hộ nhỏ vào nguồn cung ứng tài chính từ hệ thống thương lái cũng là rào cản áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn ATTP. Trong trường hợp này, hệ thống thương lái có vai trò quyết định đối với thành bại của việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn ATTP. Chỉ khi nào các kênh bán lẻ bắt buộc phải áp dụng các tiêu chuẩn ATTP cho sản phẩm thì hệ thống thương lái mới có thể thay đổi hành vi. Ở một vài địa phương, ví dụ như tỉnh Lâm Đồng, hiện đang hình thành quan hệ nông hộ trồng rau theo hình thức gia công cho thương lái, tương tự như ở ngành chăn nuôi gà thịt. Do đó, nông dân hoàn toàn không quan tâm đến sản xuất an toàn, mà lệ thuộc hoàn toàn vào phương thức canh tác và hóa chất nông nghiệp mà thương lái cung cấp và yêu cầu áp dụng.

Rào cản tâm lý của người sản xuất mà chủ yếu là hộ nông nghiệp cũng hạn chế việc mở rộng quy mô canh tác theo tiêu chuẩn VietGAP. Nông dân thường quan tâm tới lợi ích ngắn hạn hơn lợi ích lâu dài và bền vững. Đối với các HTX, thành viên tham gia cũng chưa thấy được các lợi ích thực sự mà việc sản xuất hợp tác mang lại.

4.1.3. Hệ thống tổ chức sản xuất và vấn đề an toàn thực phẩm

Vì quy mô sản xuất của nông dân nhỏ lẻ và manh mún, chi phí áp dụng tiêu chuẩn VietGAP tương đối cao và hạn chế người áp dụng; từ đó điều này dẫn đến hệ quả là người sản xuất không đủ điều kiện áp dụng truy xuất nguồn gốc theo các tiêu chuẩn ATTP. Đối với chăn nuôi gia súc gia cầm, việc áp dụng quy chuẩn chăn nuôi an toàn sinh học và tiêu chuẩn VietGAP có hiệu quả hơn khi sản xuất với quy mô lớn. Các trang trại hoặc doanh nghiệp nông nghiệp có lợi thế vốn và thị trường để đầu tư đạt chuẩn. Ngược lại, các hộ gia đình chăn nuôi gia súc gia cầm với quy mô nhỏ lẻ, nhất là đối với chăn nuôi gia cầm bán tập trung như gà thả vườn, vịt chạy đồng thường không đủ điều kiện vốn và thị trường để đầu tư đạt chuẩn.

Nhìn chung, mô hình hoạt động của các HTX nông nghiệp còn kém hiệu quả. HTX cũng khó phát triển các kênh phân phối trực tiếp và đa dạng đến các chuỗi bán lẻ khác nhau. Các HTX cũng phải cạnh tranh lẫn nhau về giá và chiết khấu khi muốn đưa hàng vào tiêu thụ ở các kênh phân phối hiện đại; và khó mở rộng quy mô sản xuất do không mở rộng được quy mô tiêu thụ hoặc đa dạng hóa các kênh tiêu thụ. Các HTX khó có khả năng mở rộng diện tích khi quy mô của HTX có hạn, hoặc là khó mở rộng thông qua tiếp nhận các thành viên mới của HTX hoặc tham gia sản xuất vệ tinh. Ngoài ra, các HTX không bảo đảm được tính tuân thủ chặt chẽ về các yêu cầu sản xuất an toàn của các thành viên mới.

Mặc dù vậy, việc hỗ trợ phát triển các hình thức HTX để sản xuất đạt chuẩn ATTP vẫn là một chủ trương đáng thực hiện vì nhiều lý do khác nhau như tăng quy mô sản xuất nông sản hàng hóa để tạo điều kiện tiếp cận các kênh phân phối hiện đại, dễ áp dụng thực hiện và chứng nhận tập thể các quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn sản xuất, giúp vượt qua các rào cản của nông hộ đơn lẻ khi sản xuất và tiếp cận thị trường.

Nhìn chung, cả cá nhân và hộ gia đình cũng như HTX đều có khó khăn chung về áp dụng quy chuẩn và tiêu chuẩn hướng đến sản xuất và tiêu thụ theo hướng ATTP. Tuy vậy, xét theo hiệu quả quy mô hướng đến liên kết vùng thì HTX sẽ có nhiều ưu thế hơn và nên ưu tiên về mặt chính sách.

4.2. Các khó khăn trong tiêu thụ nông sản an toàn

Kết quả khảo sát, phỏng vấn cho thấy có sự phân hóa rõ ràng ở hành vi tiêu dùng thực phẩm an toàn của người tiêu dùng. Một bộ phận người tiêu dùng có thu nhập cao mong muốn và quan tâm thực sự đến tiêu dùng nông sản an toàn. Trong khi đó, phần lớn người tiêu dùng có thu nhập trung bình và thấp có mong muốn tiêu dùng nông sản an toàn nhưng vẫn phải mua nông sản ở hệ thống phân phối truyền thống là các chợ bán lẻ. Hệ thống phân phối hiện đại có giới hạn về năng lực tiêu thụ nông sản thực phẩm tươi sống vì còn tồn tại song song hệ thống chợ truyền thống, nên chỉ có thể phân phối đáp ứng cho khoảng 20%-30% lượng cầu. Nhà sản xuất buộc phải bán lượng hàng VietGAP tồn đọng vào các kênh phân phối truyền thống không phân biệt sản phẩm và giá. Điều này dẫn tới việc các nhà sản xuất dần từ bỏ hoặc giảm diện tích nuôi trồng theo VietGAP.

Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương cho hộ gia đình hoặc HTX nhằm tăng diện tích VietGAP góp phần tăng áp lực cạnh tranh đưa hàng hóa vào hệ thống phân phối hiện đại, tăng cơ hội của người mới gia nhập, nhưng cũng làm giảm cơ hội của người đã bán hàng cho hệ thống phân phối. Mặt khác, chi phí chìm của HTX hoặc người sản xuất nói chung khi muốn phân phối hàng hóa vào kênh phân phối hiện đại cũng là một rào cản tài chính quan trọng.

Đối với hầu hết người sản xuất, giá thu mua sản phẩm đạt chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP² chưa hợp lý so với chi phí thực hiện quản lý bảo đảm truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở các kênh phân phối hiện đại và chi phí sản xuất của họ. Trong khi đó, các kênh tiêu thụ truyền thống không phân biệt sản phẩm VietGAP và sản phẩm thông thường về giá. Nông dân và người sản xuất nói chung chưa chấp nhận phương thức thu mua và thanh toán một số kênh tiêu thụ hiện đại, ví dụ như mua trước, thanh toán sau theo chất lượng nông sản và chỉ trả qua tài khoản ngân hàng. Các phương thức thu mua và thanh toán này không phù hợp với mong muốn của nông dân.

² GlobalGAP là viết tắt của Global Good Agricultural Practices, có nghĩa là Thực hành nông nghiệp tốt Toàn cầu. Global GAP là một tiêu chuẩn được chứng nhận quốc tế nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, sức khỏe và sự an toàn của người lao động, phúc lợi động vật và bảo vệ môi trường. Trọng tâm là sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Thói quen tiêu dùng đơn giản và chưa chú trọng đến ATTP của phần lớn người tiêu dùng cũng là một khó khăn cho tiêu thụ sản phẩm an toàn. Thói quen tiêu dùng thịt nóng của người tiêu dùng Việt Nam tạo ra hệ quả là chuỗi cung ứng thịt không có hệ thống kho lạnh và kho mát lưu trữ bảo quản thịt, từ đó tác động lại gây ra các khó khăn cho chuỗi giá trị thịt khi muốn lưu trữ để kiểm soát ATTP và điều tiết giá cả.

4.3. Cấu trúc các chuỗi cung ứng thực phẩm

Thực phẩm tươi sống được phân phối ở TP.HCM chủ yếu được cung cấp từ các vùng cung ứng nội địa, mà chủ yếu là từ Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Có hai kênh phân phối chủ yếu là: (1) Hệ thống phân phối hiện đại của các chuỗi siêu thị, các công ty sản xuất và cung ứng thực phẩm quy mô lớn, và các hệ thống chuỗi cửa hàng riêng, cửa hàng tiện lợi; và (2) Hệ thống các chợ dân sinh truyền thống thông qua 3 chợ đầu mối Bình Điền, Thủ Đức và Hóc Môn. Hệ thống phân phối hiện đại đáp ứng khoảng xấp xỉ 30% lượng thực phẩm tươi sống tiêu thụ hàng ngày và cơ bản bảo đảm được các quy định về ATTP. Hệ thống phân phối truyền thống cung ứng khoảng 70% lượng thực phẩm tươi sống tiêu thụ hàng ngày và nhìn chung, chưa thể bảo đảm được tính ATTP.

4.3.1. Các chuỗi cung ứng thực phẩm hiện đại

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn sâu các doanh nghiệp về các chuỗi cung ứng thực phẩm hiện đại, bao gồm:

- Công ty Vissan với chuỗi giá trị thịt heo.
- Công ty TNHH San Hà với chuỗi giá trị thịt gia cầm.
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Vĩnh Thành Đạt (V.Food) với chuỗi giá trị trứng gia cầm.
- Hệ thống siêu thị Co.opmart của Liên hiệp HTX Thương mại TP. Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) với chuỗi giá trị thịt heo, thịt gia cầm và rau, kể cả xuất khẩu rau, củ, quả.
- Siêu thị Big C với chuỗi giá trị rau, kể cả tình huống xuất khẩu rau, củ, quả.
- Doanh nghiệp Phong Thủy và Hợp tác xã Anh Đào với chuỗi rau tại Lâm Đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các chuỗi cung ứng hiện đại có sự liên kết dọc chặt chẽ giữa các doanh nghiệp bán lẻ hoặc các doanh nghiệp chế biến với các đầu mối cung ứng nguyên liệu an toàn, mà chủ yếu là các doanh nghiệp nông nghiệp, các hợp tác xã nông nghiệp và các trang trại trồng trọt, chăn nuôi theo phương thức sản xuất theo hợp đồng (Contract Farming). Các yêu cầu về quy trình sản xuất an toàn, các tiêu chuẩn ATTP phải đạt đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ. Tất cả các trang trại liên kết với công ty đều đã có chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y, đạt các tiêu chuẩn VietGAP, ISO, HACCP, và quy trình sản xuất đều được giám sát chặt chẽ.

Các tỉnh lân cận TP.HCM đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm nguồn cung sản phẩm từ thịt heo, thịt gà, trứng gia cầm và rau về cả số lượng và chất lượng. Các doanh nghiệp nổi tiếng trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thực phẩm như: Vissan, San Hà, V.Food, Siêu thị Co.opmart mặc dù đăng ký hoạt động tại TP.HCM và có giá trị doanh số rất cao nhưng sản phẩm đầu vào gần như hoàn toàn có nguồn gốc từ các tỉnh thành lân cận. Do đó, bảo đảm một nguồn cung lương thực đủ về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng rất cần sự chung tay phối hợp chặt chẽ giữa TP.HCM và các tỉnh là nơi cung cấp sản phẩm đầu vào cho các doanh nghiệp tại TP.HCM.

Ở hệ thống phân phối hiện đại, vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp bán lẻ và các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng thực phẩm là yếu tố then chốt. Cơ chế quản lý ATTP được bảo đảm hay không tùy thuộc vào năng lực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ các doanh nghiệp này. Tăng cường hậu kiểm và thông tin minh bạch có thể là các yếu tố chính sách quan trọng cho hệ thống phân phối này.

4.3.2. Các chuỗi cung ứng thực phẩm truyền thống

Hệ thống cung ứng thực phẩm truyền thống chủ yếu bao gồm ba chợ đầu mối và mạng lưới hơn 200 chợ truyền thống ở TP.HCM. Ba chợ đầu mối là: (1) Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức; (2) Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn; và (3) Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền. Kết quả phỏng vấn các Ban quản lý chợ đầu mối cũng như quan sát thực tế có thể cho phép tóm lược các vấn đề ATTP của chuỗi cung ứng thực phẩm truyền thống như sau:

(1) Người sản xuất không chắc chắn có áp dụng tiêu chuẩn VietGAP và quy chuẩn an toàn sinh học hay không.

(2) Thương lái thu gom và thương lái lớn tại địa phương không yêu cầu nông dân áp dụng bất kỳ tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt và tiêu chuẩn ATTP nào.

(3) Không có bằng chứng cho thấy việc lấy mẫu thực phẩm và phân tích các chỉ tiêu được các cơ quan quản lý ngành nông nghiệp và khoa học công nghệ ở các địa phương thực hiện một cách có hệ thống, khoa học và tin cậy trước khi chuyển thực phẩm về tới chợ đầu mối.

(4) Không chắc chắn có các hoạt động kiểm tra, giám sát, quản lý ATTP nào cho thực phẩm trước khi về đến địa điểm chợ đầu mối.

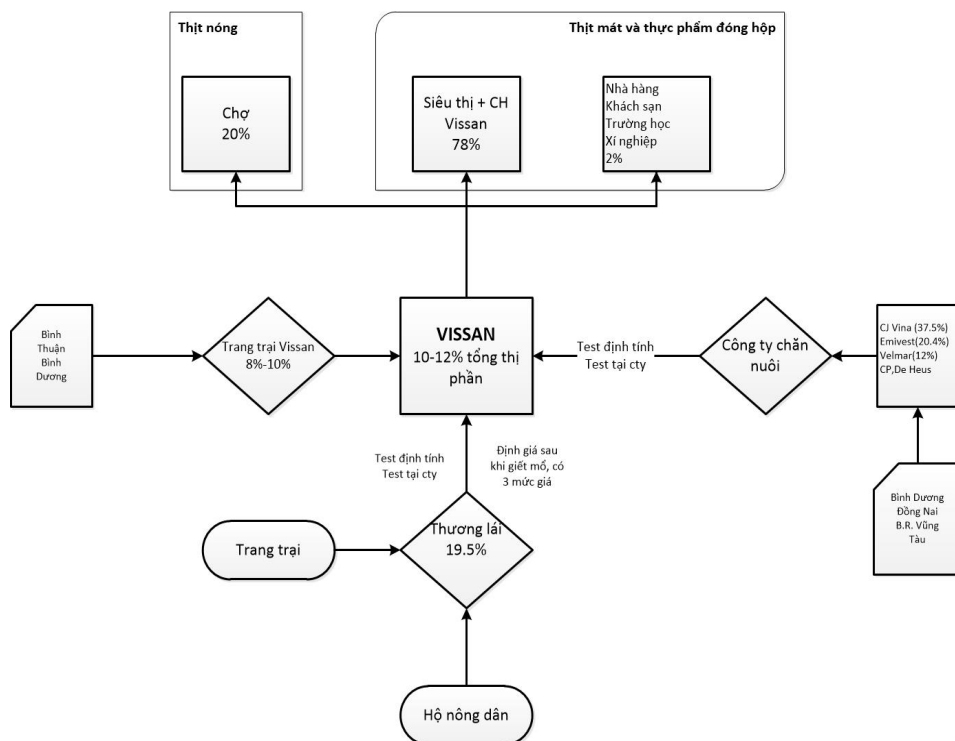
(5) Ngành hàng thịt heo, thịt gà và trứng gia cầm được kiểm soát ATTP tốt hơn vì các tác nhân sản xuất, thương lái và cơ sở giết mổ bắt buộc phải tham gia Chương trình nhận diện và truy xuất nguồn gốc của TP.HCM mới được bán hàng vào Thành phố. Mặc dù chỉ mới có khả năng nhận diện và thông tin truy xuất nguồn gốc từ công đoạn giết mổ nhưng Chương trình này cũng giúp kiểm soát được nguồn hàng, tránh được các trường hợp thịt hơi không có nguồn gốc, hoặc không được kiểm soát ở công đoạn giết mổ. Dĩ nhiên cũng không thể tránh khỏi một cách tuyệt đối các trường hợp gian lận hoặc sử dụng vòng nhận diện giả.

(6) Cơ chế lấy mẫu, kiểm tra nhanh, phân tích định lượng hiện đang được thực thi tại chợ đầu mối chỉ có tác dụng răn đe mà hoàn toàn không có tác động gì trên thực tế để bảo đảm ATTP cho người tiêu dùng.

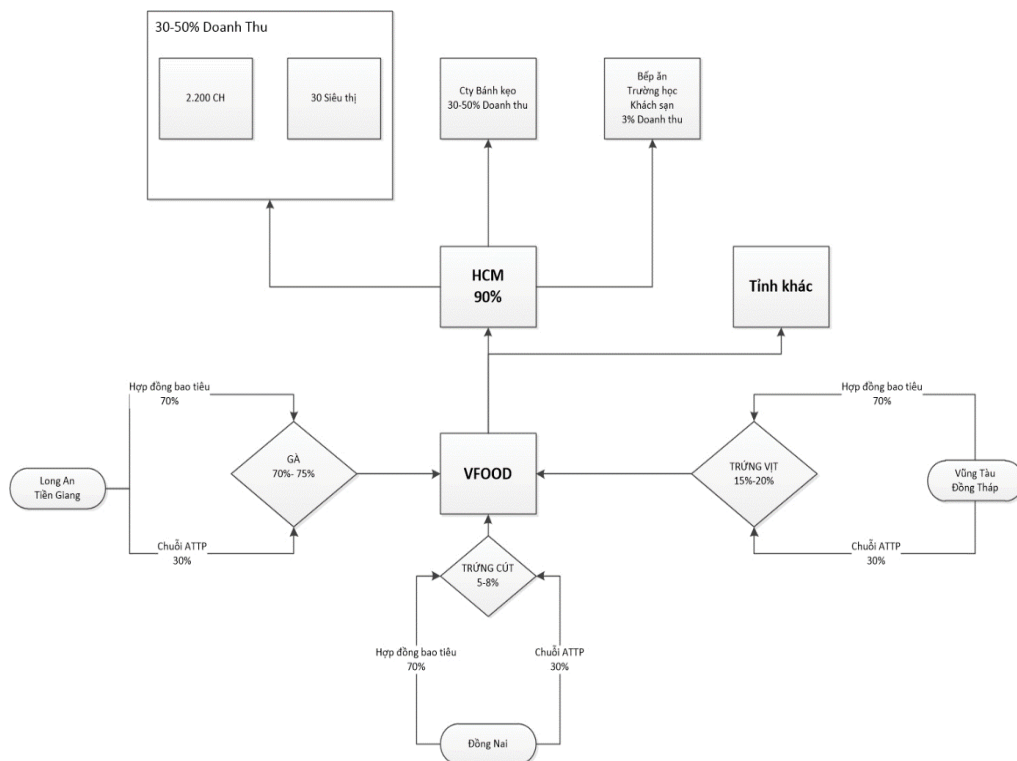
(7) Không có khả năng kiểm soát chất lượng và ATTP đối với thịt ở giai đoạn bán lẻ.

(8) Vẫn còn những kênh phân phối trực tiếp từ cơ sở giết mổ heo, trang trại chăn nuôi gà thịt và gà trứng ở các địa phương đến các chợ bán lẻ tại TP.HCM và cơ quan quản lý chưa thể kiểm soát được.

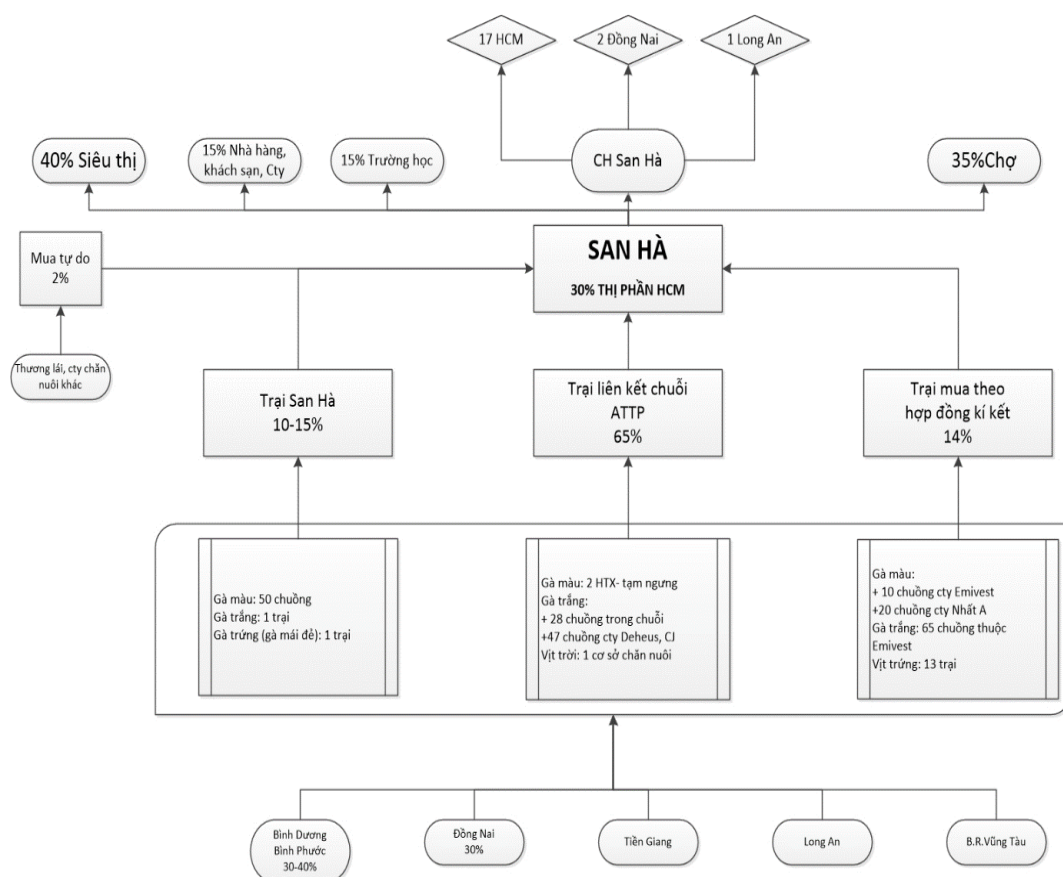
Ở hệ thống phân phối truyền thống, vai trò của thương lái cung ứng từ các tỉnh và hệ thống thương lái bán sỉ ở ba chợ đầu mối có tính chất quyết định. Hệ thống này không thể bảo đảm được các quy định ATTP hiện hành vì sự thiếu tuân thủ của người sản xuất, của thương lái và các trung gian khác. Thông tin không cân xứng trên thị trường, thiếu vắng cơ chế chia sẻ trách nhiệm và lợi ích hợp lý giữa người sản xuất và các nhà phân phối trung gian, thiếu năng lực kiểm soát ATTP tại nguồn của chính quyền địa phương nơi cung ứng là những cản ngại cơ bản cho hệ thống này.



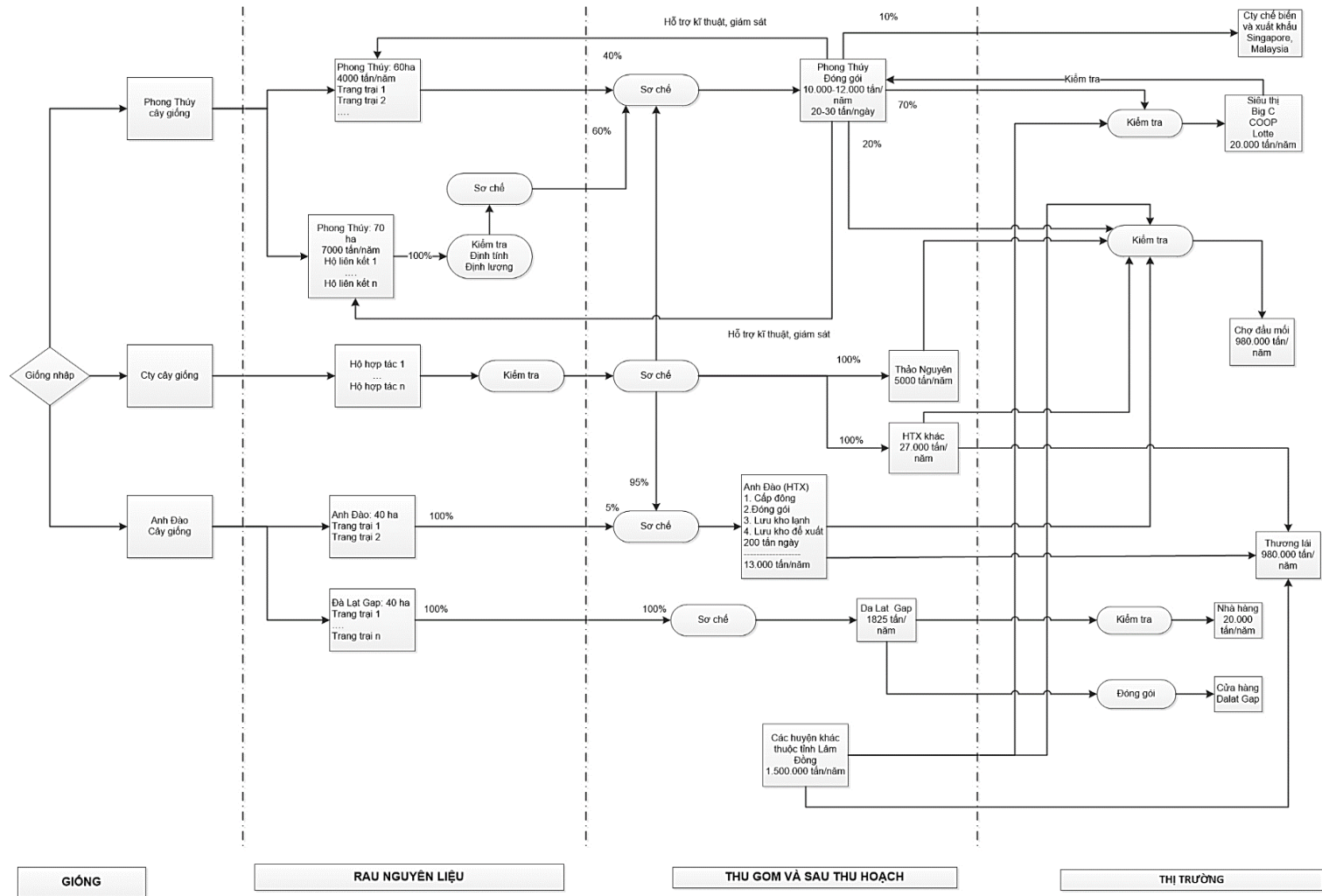
Hình 2. Chuỗi cung ứng thịt heo của VISSAN



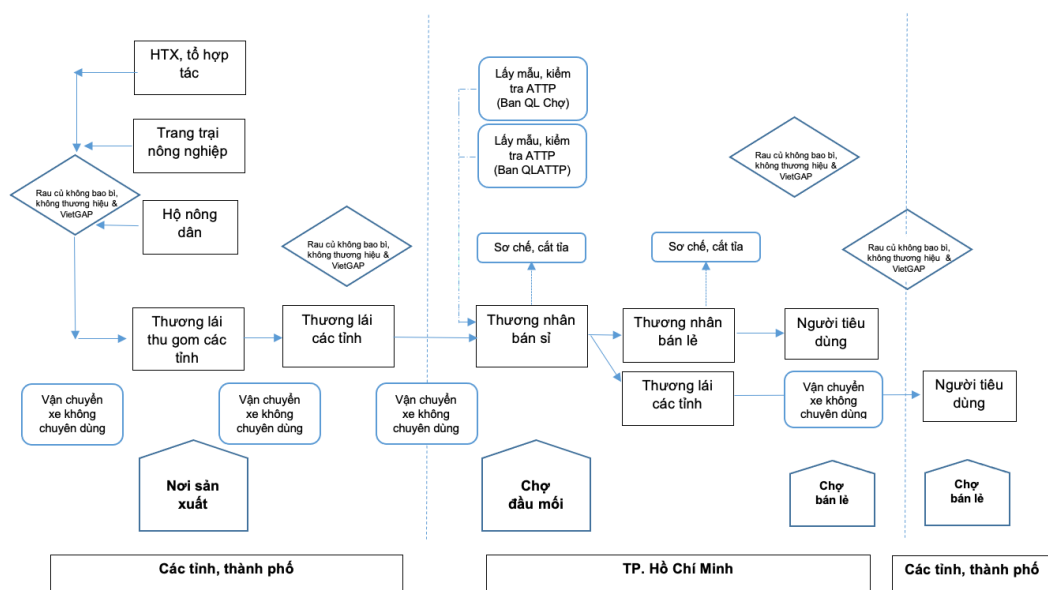
Hình 3. Chuỗi cung ứng trứng sạch của Vĩnh Thành Đạt (V.Food)



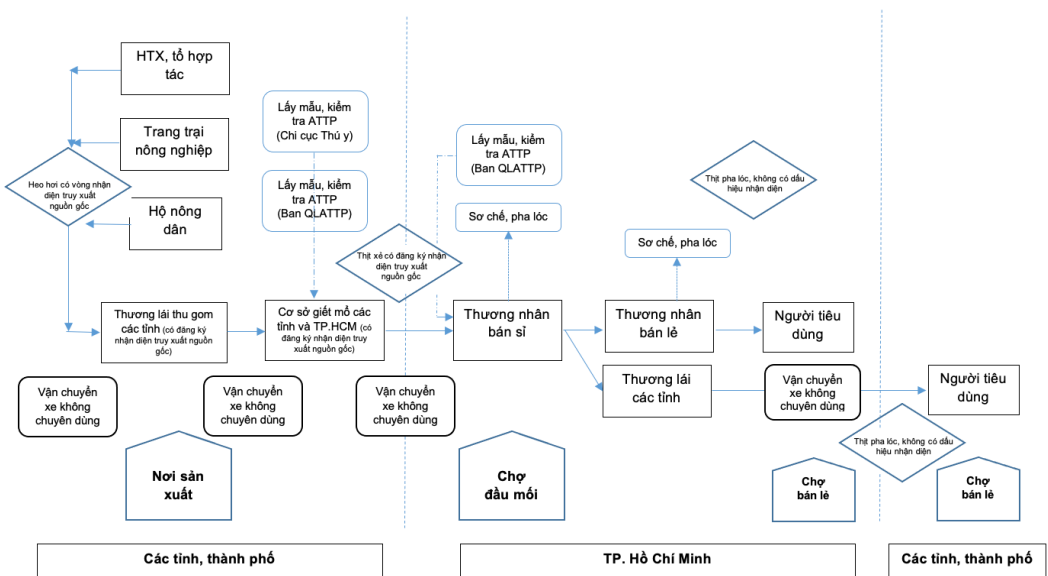
Hình 4. Chuỗi cung ứng thịt gia cầm của San Hà Food



Hình 5. Chuỗi cung ứng rau an toàn của DN Phong Thủy và HTX Anh Đào



Hình 6. Chuỗi cung ứng rau thông thường tại hệ thống phân phối truyền thống



Hình 7. Chuỗi cung ứng thịt heo tại hệ thống phân phối truyền thống

5. Các hàm ý chính sách liên kết vùng chủ động theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm

5.1. Cơ sở khoa học và thực tiễn

Khi thị trường tạo ra các ngoại tác tiêu cực, các thất bại thị trường thì nhà nước có vai trò điều chỉnh, khắc phục thông qua các chính sách, các can thiệp. Trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nông

sản thực phẩm, vấn đề tồn tại hiện nay là cả thị trường và thể chế quản lý nhà nước đều có một số khiếm khuyết quan trọng, bao gồm: (1) thông tin bất cân xứng giữa người sản xuất và người tiêu dùng về mức độ ATTP của nông sản thực phẩm; (2) thiếu khả năng chọn lựa thực phẩm an toàn ở hệ thống kênh phân phối truyền thống; (3) ngoại tác tiêu cực của việc sản xuất không bảo đảm ATTP; (4) hệ thống luật pháp về ATTP chưa đủ chặt chẽ để buộc người sản xuất phải tuân thủ; và (5) các hành vi sản xuất không bảo đảm ATTP chưa được chế tài một cách thích đáng. Chính vì vậy, cần có các hành động điều chỉnh từ các can thiệp của khu vực công.

Trong thực tế từ trước đến nay các chính sách nông nghiệp và thương mại nông sản thường tiếp cận từ phía cung. Nhất thiết cần thay đổi cách tiếp cận vấn đề từ phía cầu. Cách tiếp cận này coi vai trò của thị trường từ phía cầu là tiên quyết và có tính dẫn dắt cho phía sản xuất từ phía cung. Trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn có sẵn, TP.HCM có thể và có thẩm quyền vận động, yêu cầu doanh nghiệp thống nhất áp dụng các chuẩn này vào việc thu mua hàng hoá nông sản thực phẩm. Chỉ có những hàng hóa đạt chuẩn VietGAP, chuẩn ATTP mới được đưa vào lưu thông phân phối trên thị trường. Nói cách khác việc đầu tiên là xác lập tiêu chuẩn hàng rào kỹ thuật bắt buộc.

Tiếp cận này cũng dựa trên thực tế là TP.HCM với vai trò hạt nhân liên kết vùng cùng với những khả năng mạnh dẫn dắt, có thể đứng ra chủ trì thiết lập và thực thi những cơ chế và quy định mới, do (1) TP.HCM là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất của cả vùng, do đó có sức mạnh điều phối; (2) TP.HCM có kênh phân phối hiện đại và dẫn dắt thị trường khu vực; (3) TP.HCM có thể kiểm soát ATTP thông qua ba chợ đầu mối; (4) TP.HCM có cơ sở pháp lý áp dụng các tiêu chuẩn thống nhất căn cứ vào Nghị quyết 54 (Quốc hội, 2017) của Quốc hội cho phép Thành phố ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù; và (5) TP.HCM có kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý ATTP.

5.2. Các hàm ý chính sách

- *Hàm ý 1:* Nghiên cứu áp dụng mô hình quản lý ATTP hợp nhất ở cấp quốc gia. Mô hình hợp nhất này có ưu thế đáp ứng được nhu cầu quản lý tập trung về một đầu mối của chính phủ và chính quyền địa phương, tập trung quản lý xuyên suốt toàn bộ chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm, tránh được sự phân cắt theo địa bàn hành chính và ngành, lĩnh vực. Mô hình này cũng tạo ra cơ sở cho việc thiết lập hệ thống các cơ quan quản lý ATTP cấp vùng để góp phần giải quyết các vấn đề ở mức độ vùng, vượt qua địa giới hành chính các tỉnh, thành phố.

- *Hàm ý 2:* Nghiên cứu pháp lý hóa cơ chế kiểm soát ATTP ở cấp độ vùng và xây dựng thể chế quản lý ATTP Nhà nước cấp vùng. Thể chế cấp vùng vẫn chưa được quy định ở phân cấp hành chính. Tuy nhiên, vẫn có thể phân cấp điều phối và quản lý ATTP ở cấp độ vùng giữa các địa phương có nhu cầu liên kết với nhau một cách tự nguyện. Cơ chế liên kết vùng và đồng quản lý ATTP cho phép quản lý chuỗi cung ứng từ thượng nguồn cho đến hạ nguồn, thống nhất cơ chế quản lý và các biện pháp kiểm soát chuỗi cung ứng, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu quy hoạch vùng sản xuất, áp dụng thống nhất tiêu chuẩn và các biện pháp hỗ trợ, tổ chức sản xuất, sơ chế, chế biến, vận chuyển, lưu trữ và phân phối sản phẩm an toàn đến người tiêu dùng.

- *Hàm ý 3:* Thống nhất tiêu chuẩn sản xuất nông sản thực phẩm và bắt buộc áp dụng theo lộ trình. Cần thiết thống nhất tiêu chuẩn VietGAP với Quy chuẩn sản xuất an toàn sinh học áp dụng cho các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và chế biến làm cơ sở cho thiết lập tiêu chuẩn thị trường, bảo đảm truy xuất nguồn gốc và tiến tới bắt buộc áp dụng trong cả nước theo lộ trình thích hợp.

- *Hàm ý 4*: Quản lý chặt chẽ sản xuất, thương mại và sử dụng hóa chất nông nghiệp và thực phẩm. Các cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường quản lý chặt chẽ nguồn cung hóa chất nông nghiệp và thực phẩm qua cấp phép lưu hành và tiêu thụ sản phẩm hóa chất nông nghiệp, quản lý chặt chẽ việc sử dụng các chất cấm trong sản xuất và chế biến nông sản, cập nhật thường xuyên danh mục hóa chất bị cấm sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Một khi việc sản xuất, thương mại và sử dụng hóa chất nông nghiệp và thực phẩm được kiểm soát chặt chẽ, việc sử dụng hóa chất nông nghiệp có hại sẽ được hạn chế tối đa từ nguồn cung, và từ đó, tạo điều kiện dễ dàng hơn cho quản lý ATTP từ phía cầu.

- *Hàm ý 5*: Thống nhất pháp lý hóa và áp dụng nhất quán hệ thống tiêu chuẩn hàng hóa cho nông sản thực phẩm và có lộ trình phù hợp cho phía sản xuất để áp dụng cho Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Chính quyền TP.HCM và các tỉnh thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam liên kết xây dựng lộ trình cụ thể trong việc pháp lý hóa việc áp đặt tiêu chuẩn ATTP đối với nông sản thực phẩm. Các tiêu chuẩn này sẽ được thiết lập và bắt buộc áp dụng đối với mọi hàng hóa nông sản thực phẩm được tiêu thụ tại TP.HCM trên tất cả các hệ thống kênh phân phối hiện đại và các chợ đầu mối. Lộ trình này nên phù hợp về thời gian để phía cung thích ứng và thay đổi.

- *Hàm ý 6*: Xây dựng hệ thống thông tin sản xuất và thương mại nông thủy sản cấp độ Vùng. Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam cùng xây dựng cơ chế và đầu mối quản lý thông tin thị trường cấp độ vùng để bảo đảm tính cập nhật, tính đầy đủ về thông tin dân số, lượng cầu, lượng cung, giá cả tiêu chuẩn ATTP, tiêu chuẩn thị trường để tăng cường khả năng tự điều tiết cân đối cung cầu dựa trên thông tin thị trường.

- *Hàm ý 7*: Xây dựng quy hoạch sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản thực phẩm an toàn cấp độ vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Việc liên kết xây dựng quy hoạch sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản thực phẩm an toàn cấp độ vùng kinh tế trọng điểm phía Nam dựa trên tiếp cận chuỗi cung ứng sẽ là cơ sở cho tổ chức quy hoạch sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn và thương mại hàng hóa nông sản cho các tỉnh thành, định hướng mục tiêu, quy mô và tiêu chuẩn sản xuất của hộ gia đình, hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp sản xuất và chế biến nông sản thực phẩm.

- *Hàm ý 8*: Đầu tư phát triển hệ thống logistics chuyên dùng cho ngành nông sản thực phẩm ở cấp độ vùng. Trên nền tảng liên kết vùng và quy hoạch sản xuất cấp độ vùng, các địa phương sản xuất xây dựng đề án đầu tư phát triển các cơ sở logistic nông sản thực phẩm ở địa phương sản xuất, kết hợp với hệ thống giết mổ công nghiệp và chế biến thực phẩm hiện đại, kho mát, kho lạnh lưu trữ và phương tiện vận chuyển đạt chuẩn.

Lời cảm ơn

Bài báo này được rút trích từ một phần kết quả nghiên cứu của Đề án “Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản thực phẩm theo hướng bảo đảm ATTP giữa TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam” do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh tài trợ kinh phí. Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh (2018a). *Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh: Một năm nhìn lại*. Truy cập từ <http://bqlattp.hochiminhcity.gov.vn/ArticleDetail.aspx?NewsID=887>
- Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh (2018b). *Báo cáo Sơ kết 01 năm thi điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh*. Truy cập từ <http://bqlattp.hochiminhcity.gov.vn:8081/DataATTP%2FArticle%2F1%2F%2F922%2F267.pdf>
- Department of Science Service Thailand. (2014). *Thailand's Food Safety Structure and Legal Framework Pertaining to Food Contact Material Safety*. Retrieved from <https://docplayer.net/45852367-Thailand-s-food-safety-structure-and-legal-framework-pertaining-to-food-contact-material-safety.html>
- Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao. (2018). *Bài tham luận tại Hội nghị sơ kết một năm thi điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm của Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao*. Truy cập từ <http://bqlattp.hochiminhcity.gov.vn/ArticleDetail.aspx?NewsID=928>
- EFSA. (2018). *About EFSA*. Retrieved from <https://www.efsa.europa.eu/en/aboutefsa>
- FDA. (2018a). *Organization Structure*. Retrieved from <https://ww2.fda.gov/ph/index.php/names-of-officials-position-designation-and-contact-information/organization-structure>
- FDA. (2018b). *Organization Charts*. Retrieved from <https://www.fda.gov/downloads/AboutFDA/CentersOffices/OrganizationCharts/UCM432556.pdf>
- FDA. (2018c). *What does FDA regulate?*. Retrieved from <https://www.fda.gov/AboutFDA/Transparency/Basics/ucm194879.htm>
- FDA. (2018d). *About FDA: What we do*. Retrieved from <https://www.fda.gov/AboutFDA/WhatWeDo/default.htm>
- Government of Thailand. (1979). *Food Act B. E. 2522*. Retrieved from http://food.fda.moph.go.th/law/data/act/E_FoodAct2522.pdf
- Japan Engineering and Consulting Firms Association. (2006). *Study on Strengthening Food Standards and The Certification System in the Socialist Republic of Vietnam*. Retrieved from http://www.ecfa.or.jp/japanese/act-pf_jka/H17/renkei/renkei_Vietnam_Food_Eng.pdf
- Jonker, T. H., Ito, H., & Fujishima, H. (2004). *Food Safety and Quality Standards in Japan*. *World Bank*. Retrieved from <http://siteresources.worldbank.org/INTRANETTRADE/Resources/Topics/Standards/JapanCountrySurveyF.pdf>
- National Sustainable Agriculture Coalition. (2018). *Am I affected by new food safety rules under the Food Safety Modernization Act? A Flowchart for Farmers and Food Businesses*. Retrieved from

http://sustainableagriculture.net/wp-content/uploads/2016/02/2016_2-FSMA-Final-Rule-Flowchart-V3.pdf

- Quốc hội. (2010). *Luật An toàn thực phẩm*. Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=96032>
- Quốc hội. (2017). *Nghị quyết số 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh*, ban hành ngày 24/11/2017. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-quyet-54-2017-QH14-thi-diem-co-che-chinh-sach-dac-thu-phat-trien-Thanh-pho-Ho-Chi-Minh-367070.aspx>
- Quốc hội. (2018). *Văn bản hợp nhất số 31/VBHN-VPQH về Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật*, ban hành ngày 10/12/2018. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Van-ban-hop-nhat-31-VBHN-VPQH-2018-Luat-Tieu-chuan-va-quy-chuan-ky-thuat-410336.aspx>
- World Bank. (2017). *Vietnam food safety risks management: Challenges and opportunities (Vietnamese)*. Retrieved from <http://documents.worldbank.org/curated/en/777651490723110666/Qu%E1%BA%A3n-l%C3%BD-nguy-c%C6%A1-an-to%C3%A0n-th%E1%BB%B1c-ph%E1%BA%A9m-%E1%BB%9F-Vi%E1%BB%87t-Nam-nh%E1%BB%AFng-th%C3%A1ch-th%E1%BB%A9c-v%C3%A0-c%C6%A1-h%E1%BB%99i>
- Wu, L., & Zhu, D. (2014a). Evolutionary Development of the Chinese Food Safety Legal System. In *Food Safety in China* (pp. 216-243). CRC Press.
- Wu, L., & Zhu, D. (2014b). Construction and Development of a Food Safety Standard System. In *Food Safety in China* (pp. 266-293). CRC Press.